TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14 /2021/HNGĐ-ST
Ngày: 28-6-2021
V/v tranh chấp "hôn nhân và gia đình, ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông La Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Cương;

2. Bà Lê Kim Chi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Mỹ Thanh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang không tham gia phiên tòa.

Ngày 28 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 49/2020/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2020 về tranh chấp "Hôn nhân và gia đình, ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2021/QĐXXST-HN ngày 17 tháng 5 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2021/QĐST-HN ngày 03 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Ông Đỗ Thành Đ, sinh năm 1994, nơi cư trú: Rạch B, ấp H, thị trấn PH, huyện T, tỉnh An Giang, vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn*: Bà CHEN, YUAN-Y, sinh năm 1979, nơi cư trú: đoạn 1, lộ TC, Khóm 0, phường TL, khu Q, thành phố ĐV, Đài Loan, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn ông Đỗ Thành Đ trình bày:

Năm 2017 ông Đỗ Thành Đ và bà CHEN, YUAN-Y gặp nhau tại Đài Loan. Sau thời gian tìm hiểu ông Đ và bà CHEN, YUAN-Y tiến tới hôn nhân năm 2018, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận đăng kết hôn số 72 ngày 01/8/2018. Sau khi kết hôn bà CHEN, YUAN-Y bảo lãnh ông Đ qua Đài Loan sinh sống và làm việc. Sau một năm ở Đài Loan, vợ chồng trở về sinh sống tại Việt Nam thì phát sinh mâu thuẫn, cãi vã nhau, tính tình không hợp, không cùng quan điểm nên bà CHEN, YUAN-Y quay trở lại Đài Loan sống; ông

Đ vẫn ở lại Việt Nam. Các bên không liên hệ với nhau, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt. Nay ông Đ khởi kiện ly hôn bà Y.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn bà CHEN, YUAN-Y đã được Tòa án làm thủ tục ủy thác tư pháp tống Đ Thông báo thụ lý và Lịch làm việc của Tòa án và đã có kết quả ủy thác gửi hồ sơ ủy thác tại Đồn Công an nhưng đến nay bà Y vẫn không có ý kiến gửi cho Tòa án.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt.

Chủ tọa phiên tòa công bố lý do nguyên đơn vắng mặt và đơn đề nghị Hội đồng xét xử vắng mặt ghi ngày 17/12/2020.

Chủ tọa phiên tòa công bố tóm tắt nội dung vụ án nguyên đơn kiện bị đơn ly hôn và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được kiểm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang không tham gia phiên tòa do không thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn cư trú Việt Nam, bị đơn cư trú tại đoạn 1, lộ TC, Khóm 0, phường TL, khu Q, thành phố ĐV, Đài Loan. Nguyên đơn khởi kiện ly hôn, thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân tỉnh An Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 37 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt ghi ngày 17/12/2020; bị đơn đã được Tòa án làm thủ tục ủy thác tư pháp tống đạt Thông báo thụ lý và Lịch xét xử của Tòa án và đã có kết quả ủy thác gửi hồ sơ ủy thác tại đồn Công an nhưng đến nay bà Y vẫn không có ý kiến gửi cho Tòa án nhân dân tỉnh An Giang. Căn cứ khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về nội dung, xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Qua giới thiệu, nguyên đơn và bị đơn đã tự nguyện đăng ký và được Ủy ban nhân dân huyện T, giấy chứng nhận kết hôn số 72 ngày 01/8/2011, được công nhận là hôn nhân.

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai của nguyên đơn thì mâu thuẫn phát sinh từ bất đồng ngôn ngữ và vợ chồng không có điều kiện đoàn tụ do nguyên đơn không nhập quốc tịch Đài Loan và ở lại Việt Nam cho đến nay.

Thấy rằng việc vợ, chồng chia cách trong thời gian dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét, chấp nhận theo yêu cầu được ly hôn của ông Đ đối với bà CHEN YUAN-YUAN theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Không có.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ghi nhận việc ông Đỗ Thành Đ xác định không có tài sản chung và nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật nếu có người khởi kiện và xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung ông Đỗ Thành Đ và bà Y trong thời kỳ hôn nhân thì ông Đ và bà Y phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự.

[6] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, buộc nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Về lệ phí ủy thác tư pháp: Ông Đỗ Thành Đ phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 4 Điều 147, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn của ông Đỗ Thành Đ.

1. Ông Đỗ Thành Đ được ly hôn bà CHEN YUAN-Y

Giấy chứng nhận kết hôn số 72 ngày 01/8/2018 của Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu xem xét.

4. Về nợ chung: Ông Đỗ Thành Đ xác định không có tài sản chung và nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật nếu có người khởi kiện và xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung ông Đ và bà CHEN YUAN-Y trong thời kỳ hôn nhân thì ông Đ và bà Y phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Ông Đỗ Thành Đ phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008438 ngày 10/12/2020 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Ông Đ đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Về lệ phí ủy thác tư pháp: Ông Đỗ Thành Đ phải chịu 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng chi phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số: 0007425 ngày 17/12/2020 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Ông Đỗ Thành Đ đã nộp đủ lệ phí ủy thác.

Ông Đỗ Thành Đ được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Thời hạn kháng cáo của bà CHEN YUAN-Y là 01 tháng kể từ ngày bản án được tống Đ hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Cương **Lê Kim Chi** **La Hồng**